TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2025/DS-ST
Ngày 13 – 6 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN NHÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Dương Thị Kiều Thảo**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Khưu Liên Dung**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Minh Hùng** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Minh Muội** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bạc Liêu mở phiên toà xét xử công khai vụ án thụ lý số: 193/2025/TLST-DS, ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐXXST-DS ngày 15/5/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Tấn Minh N** – **Chủ hộ kinh doanh T.**

Địa chỉ: Đường T, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị Lan A**, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt do có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông **Trần Minh H**, sinh năm 1977; (vắng mặt)

2.2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1974; (vắng mặt)

2.3. Anh **Trần Minh Chung A1**, sinh năm 2001. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số E, Đường R, Khóm G, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Lan A trình bày như sau:

Ông Lê Tấn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M với ông Trần Minh H, bà Nguyễn Thị T và anh Trần Minh C Anh có thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, ngày 01/8/2023 bà T và anh Chung A1 đại diện gia đình ký hợp đồng mua bán, theo đó Tân Quang M bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H1 và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông H, bà T và anh Chung A1 để ông H, bà T và anh C Anh nuôi tôm, đến cuối vụ ông H, bà T và anh Chung A1 phải thanh toán dứt điểm công nợ cho ông Lê Tấn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M.

Trong quá trình giao dịch, ông H, bà T và anh Chung A1 không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho ông Lê Tấn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M. Theo Biên bản đối chiếu công nợ tháng 01/2024 còn nợ ông Lê Tấn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền 616.100.000 đồng. Tân Quang M đã nhiều lần cho nhân viên xuống nhà gặp trực tiếp ông H, bà T và anh Chung A1 để yêu cầu thanh toán nợ. Tuy nhiên, ông H, bà T và anh Chung A1 cố tình không thanh toán phần nợ còn thiếu. Nay ông Lê Tấn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Minh H, bà Nguyễn Thị T và anh Trần Minh Chung A1 cùng có trách nhiệm thanh toán dứt điểm cho ông Lê Tấn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền 616.100.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ.

Đối với yêu cầu tính chiết khấu của ông H, ông Lê Tấn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M không đồng ý vì hai bên có thỏa thuận tính chiết khấu tùy theo mặt hàng không thỏa thuận cụ thể là tính chiết khấu như thế nào và việc chiết khấu này chỉ được tính khi ông H, bà T và ông Chung A1 thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán. Trường hợp của ông H, bà T và ông Chung A1 đã không thực hiện theo đúng cam kết trong hợp đồng mua bán là phải thanh toán ngay sau khi thu hoạch tôm nên ông H, bà T và anh Chung A1 sẽ không nhận được chiết khấu như ông H yêu cầu.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trần Minh H ngày 25/4/2025: Ông Lê Tấn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M bán cho gia đình ông thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H1 và các nhãn hiệu khác cùng với thuốc, hóa chất cho nuôi trồng thủy sản, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/8/2023 đến ngày 31/12/2023, đơn giá sản phẩm được niêm yết tại địa chỉ kinh doanh của Hộ kinh doanh T1, gia đình ông có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên Hộ kinh doanh T1 ngay sau khi thu hoạch tôm. Ông thống nhất khoản nợ hiện nay là 616.100.000 đồng và cũng đồng ý trả khoản nợ này cho ông Lê Tấn Minh N - Hộ kinh doanh T1. Tuy nhiên, gia đình ông xin được trả dần khoản nợ này, vì hiện nay gia đình ông rất khó khăn nên không có khả năng thanh toán cho H2 kinh doanh Tân Quang M. Đồng thời, ông yêu cầu phải tính chiết khấu các mặt hàng ông đã mua của H2 kinh doanh Tân Quang M sau khi ông thanh toán xong các khoản nợ,

việc tính chiết khấu này hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Ví dụ: Tổng số tiền mua thức ăn là 100.000.000 đồng thì ông được nhận lại 2.500.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T và anh Trần Minh Chung A1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn Minh N – Chủ hộ kinh doanh T, buộc ông Trần Minh H, bà Nguyễn Thị T và anh Trần Minh C Anh cùng có trách nhiệm trả cho ông Lê Tấn Minh N - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền 616.100.000 đồng. Ông Trần Minh H, bà Nguyễn Thị T và anh Trần Minh C Anh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Tấn Minh N - Chủ hộ kinh doanh T khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh H, bà Nguyễn Thị T và anh Trần Minh C Anh trả tiền mua bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản, bị đơn cư trú tại thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt đương sự: Bà Phạm Thị Lan A đại diện theo ủy quyền nguyên đơn vắng mặt do có đơn xin vắng mặt; ông Trần Minh H, bà Nguyễn Thị T và anh Trần Minh C Anh là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Lê Tấn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu ông Trần Minh H, bà Nguyễn Thị T và anh Trần Minh C Anh cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền 616.100.000 đồng.

Bà Phạm Thị Lan A là đại diện theo ủy quyền nguyên đơn xác định ông Lê Tấn Minh N – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M với ông Trần Minh H, bà Nguyễn Thị T và anh Trần Minh C Anh có giao dịch mua bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản khác, sau khi thu hoạch tôm xong ông H, bà T và anh Chung A1 không thanh toán nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán, bên phía ông N đã nhiều lần cho nhân viên xuống nhà gặp trực tiếp ông H, bà T và anh Chung A1 để yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông H, bà T và anh Chung A1 cố tình không thanh toán phần nợ còn thiếu là 616.100.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông Lê Tấn Minh N - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M cung cấp cho Tòa án hợp đồng mua bán ngày 01/8/2023; bản đối chiếu đối chiếu công nợ tháng 01/2024. Tất cả các tài liệu, chứng cứ nêu trên thể hiện: Ông H, bà T và anh Chung A1 có mua thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản đến nay, số tiền còn nợ của ông Lê Tấn Minh N - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M là 616.100.000 đồng.

Ông Trần Minh H thống nhất với yêu cầu của ông Lê Tấn Minh N - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M và thừa nhận tính đến nay ông, bà T và anh Chung A1 còn nợ ông Lê Tấn Minh N - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M tổng số tiền 616.100.000 đồng. Xét thấy, sự thừa nhận của ông H là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".*

Đối với bị đơn bà T và anh Chung A1, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, thông báo công khai tài liệu, chứng cứ và đã thông báo cho bà T và anh Chung A1 cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn cũng như văn bản trình bày ý kiến. Nhưng, bà T và anh Chung A1 không có văn bản trình bày ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ Điều 72, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà T và anh Chung A1 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, từ bỏ quyền chứng minh và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Đối với trình bày của ông H về việc tính chiết khấu các mặt hàng ông đã mua của H2 kinh doanh Tân Quang M sau khi ông thanh toán xong các khoản nợ. Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn thừa nhận hai bên có thỏa thuận tính chiết khấu tùy theo mặt hàng nhưng không thỏa thuận cụ thể là tính chiết khấu như thế nào và việc chiết khấu này chỉ được tính khi ông H, bà T và ông Chung A1 thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán. Trường hợp của ông H, bà T và ông Chung A1 đã không thực hiện theo đúng cam kết trong hợp đồng mua bán là phải thanh toán ngay sau khi thu hoạch tôm nên ông H, bà T và anh Chung A1 sẽ không nhận được chiết khấu như ông H yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy, ông H chỉ trình bày không có yêu cầu phản tố và nguyên đơn cũng không đồng ý tính chiết khấu cho bị đơn do đã vi phạm hợp đồng mua bán nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tiền lãi suất: Nguyên đơn ông Lê Tấn Minh N - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử, không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch:

Buộc ông Trần Minh H, bà Nguyễn Thị T và anh Trần Minh Chung A1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là 28.644.000 đồng.

Ông Lê Tấn Minh N - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M không phải chịu án phí.

[4] Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, 72, 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn Minh N - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu ông Trần Minh H, bà Nguyễn Thị T và anh Trần Minh C Anh trả số tiền 616.100.000 đồng.

Buộc ông Trần Minh H, bà Nguyễn Thị T và anh Trần Minh C Anh có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Lê Tấn Minh N - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền 616.100.000 đồng *(Sáu trăm mười sáu triệu, một trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

2.1. Buộc ông Trần Minh H, bà Nguyễn Thị T và anh Trần Minh Chung A1 cùng phải nộp án phí là 28.644.000 đồng *(Hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).*

2.2. Ông Lê Tấn Minh N - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 14.322.000 đồng *(Mười bốn triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng)*

theo biên lai thu tiền số 0000224 ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, nay được hoàn lại toàn bộ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Kiều Thảo

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA